

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Danh mục thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam – Đợt 17

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ Y, DƯỢC CỔ TRUYỀN

Căn cứ Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược ngày 21 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29/06/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dược;

Căn cứ Thông tư số 29/2025/TT-BYT ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định về việc đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền, dược liệu;

Căn cứ Quyết định số 2738/QĐ-BYT ngày 27/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc, Bộ Y tế - Đợt 17;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Dược cổ truyền - Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục các thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 17, cụ thể:

1. Danh mục 12 thuốc cổ truyền sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam hiệu lực 05 năm (tại Phụ lục I kèm theo). Các thuốc tại Danh mục này có số đăng ký với ký hiệu TCT-xxxxx-25 và hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

2. Danh mục 19 vị thuốc cổ truyền sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam hiệu lực 05 năm (tại Phụ lục II kèm theo). Các vị thuốc

cỏ truyền tại Danh mục này có số đăng ký với ký hiệu VCT-xxxxx-25 và hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

3. Danh mục 04 cỏm vị thuốc cỏ truyền sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam hiệu lực 05 năm (*tại Phụ lục III kèm theo*). Cỏm vị thuốc cỏ truyền tại Danh mục này có số đăng ký với ký hiệu VCT-xxxxx-25 và hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

Điều 2. Cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký thuốc cỏ truyền, vị thuốc cỏ truyền có trách nhiệm:

1. Sản xuất thuốc cỏ truyền, vị thuốc cỏ truyền theo đúng các hồ sơ, tài liệu đã đăng ký với Bộ Y tế và phải in số đăng ký được Bộ Y tế Việt Nam cấp lên nhãn thuốc cỏ truyền, vị thuốc cỏ truyền.

2. Chỉ được sản xuất, đưa ra lưu hành các thuốc cỏ truyền, vị thuốc cỏ truyền kiểm soát đặc biệt khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược phạm vi kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt phù hợp với phạm vi hoạt động của cơ sở đáp ứng quy định tại Điều 31, 32, 33, 34, 35 và 36 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dược.

3. Thực hiện việc cập nhật tiêu chuẩn chất lượng của thuốc cỏ truyền, vị thuốc cỏ truyền theo quy định tại Thông tư số 32/2025/TT-BYT ngày 01/07/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định quản lý về chất lượng thuốc cỏ truyền, vị thuốc cỏ truyền, dược liệu.

4. Phối hợp với các cơ sở điều trị để thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về thuốc kê đơn, theo dõi an toàn, hiệu quả, tác dụng không mong muốn của thuốc cỏ truyền, vị thuốc cỏ truyền trên người Việt Nam và tổng hợp, báo cáo theo quy định tại Thông tư số 29/2025/TT-BYT ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về việc đăng ký lưu hành thuốc cỏ truyền, vị thuốc cỏ truyền, dược liệu.

5. Cơ sở đăng ký thuốc cỏ truyền, vị thuốc cỏ truyền phải bảo đảm duy trì điều kiện hoạt động trong thời gian hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Trong trường hợp không còn đáp ứng đủ điều kiện hoạt động, cơ sở đăng ký phải có trách nhiệm thực hiện thay đổi cơ sở đăng ký theo quy định tại Thông tư số 29/2025/TT-BYT ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về việc đăng ký lưu hành thuốc cỏ truyền, vị thuốc cỏ truyền, dược liệu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ sở đăng ký không còn đủ điều kiện hoạt động.

6. Cơ sở sản xuất phải bảo đảm các điều kiện hoạt động của cơ sở sản xuất trong thời hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố và Giám đốc cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Đ/c Bộ trưởng (để b/c);
- Đ/c Vũ Mạnh Hà – TTr Thường trực BYT (để b/c);
- Đ/c Trịnh Thị Diệu Thường – PCT.PT Cục Quản lý YDCT (để b/c);
- PGS.TS. Nguyễn Đăng Hòa – Chủ tịch HĐTV cấp GDKLH thuốc, NLLT – Bộ Y tế (để b/c);
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế GTVT - Bộ Xây dựng;
- Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Bộ Y tế: Vụ PC, Vụ Bảo hiểm Y tế; Cục QLD, Cục QLKCB; Văn phòng HĐTV cấp GDKLH thuốc, nguyên liệu làm thuốc;
- Viện KN thuốc TỰ, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty cổ phần;
- Các Bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Website của Cục Quản lý YDCT;
- Lưu: VT, QLD (4b).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Đăng Lâm

PHỤ LỤC I
DANH MỤC 12 THUỐC CỔ TRUYỀN SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC
CẤP GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 05 NĂM -
ĐỢT 17

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 344/QĐ-YDCT ngày 13/11/2025)

1. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Tùng Linh

(Đ/c: Nhà B-TT8-4, khu nhà ở Him Lam Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Nay là: Nhà B-TT8-4, khu nhà ở Him Lam Vạn Phúc, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội)

1.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Nature Việt Nam

(Đ/c: Số 19 đường 18, khu phố 3, phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Nay là: Số 19 đường 18, khu phố 3, phường Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1	THẬP TOÀN ĐẠI BỔ TÙNG LINH	Mỗi viên nang mềm chứa cao khô hỗn hợp dược liệu (tỉ lệ 10,2:1) 500 mg tương đương với: Đảng sâm (<i>Radix Codonopsis pilosulae</i>) 0,700 g; Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparatae</i>) 0,700 g; Hoàng kỳ (<i>Radix Astragali membranacei</i>) 0,700 g; Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) 0,470 g; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 0,470 g; Bạch thược (<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>) 0,470 g; Quế (Vỏ thân, Vỏ cành) (<i>Cortex Cinnamomi</i>) 0,470 g; Phục linh (<i>Poria</i>) 0,375 g; Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>) 0,375 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 0,375 g.	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ (Alu-PVC) x 10 viên.	TCT-00337-25

2. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Đặng Nguyên Đường

(Đ/c: 240 Bạch Đằng, phường 24, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Nay là: 240 Bạch Đằng, phường Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh)

2.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần thương mại dược vật tư y tế Khải Hà
(Đ/c: Số 2A, phố Lý Bôn, tổ 2, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Nay là: Số 2A, phố Lý Bôn, tổ 1-2, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
2	Giải phong tiêu độc nhuận trường	Mỗi chai 30 g hoàn cứng chứa: Liên kiều (<i>Fructus Forsythiae suspensae</i>) 9,00 g; Kim ngân hoa (<i>Flos Lonicerae</i>) 9,00 g; Bồ công anh (<i>Herba Lactucae indicae</i>) 6,00 g; Cúc hoa (<i>Flos Chrysanthemi</i>) 3,60 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 2,10 g.	Viên hoàn cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 1 chai x 30 g viên hoàn cứng.	TCT-00338-25

3. Công ty đăng ký: Nhà máy sản xuất thuốc YHCT Bà Giằng - Công ty cổ phần dược phẩm Bagiaco - Chi nhánh Hà Nam

(Đ/c: Khu công nghiệp Thanh Liêm, phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình)

3.1. Nhà sản xuất: Nhà máy sản xuất thuốc YHCT Bà Giằng - Công ty cổ phần dược phẩm Bagiaco - Chi nhánh Hà Nam

(Đ/c: Khu công nghiệp Thanh Liêm, phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
3	THẬP TOÀN ĐẠI BỔ BÀ GIẰNG	Mỗi gói 2,15 g hoàn cứng chứa bột dược liệu tương đương với: Đảng sâm (<i>Radix Codonopsis</i>) 0,3 g; Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>) 0,3 g; Hoàng kỳ (<i>Radix Astragali</i>) 0,3 g; Quế (vỏ thân, vỏ cành) (<i>Cortex Cinnamomi</i>) 0,2 g; Bạch thược (<i>Radix Paeoniae alba</i>) 0,2 g; Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) 0,2 g; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 0,2 g; Xuyên khung (<i>Rhizoma Chuanxiong</i>) 0,16 g; Bạch linh (<i>Poria</i>) 0,16 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 0,16 g.	Viên hoàn cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 24 gói, 30 gói, 40 gói x 2,15 g viên hoàn cứng. Hộp 12 gói, 15 gói, 20 gói x 4,3 g viên hoàn cứng.	TCT-00339-25

4. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược Khoa

(Đ/c: Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Nay là: Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội)

4.1. Nhà sản xuất: Nhà máy dược phẩm DKPharma - Chi nhánh Bắc Ninh
Công ty cổ phần Dược Khoa

(Đ/c: Lô III-1.3, Đường D3, khu công nghiệp Quế Võ 2, xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, Nay là: Lô III-1.3, Đường D3, khu công nghiệp Quế Võ 2, phường Đào Viên, tỉnh Bắc Ninh)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
4	ĐỊNH TÂM THANG DƯỢC KHOA	Mỗi viên nén bao phim chứa cao hỗn hợp dược liệu (hàm ẩm 25-30%) 1084,0 mg tương đương với: Toan táo nhân (<i>Semen Ziziphi spinosae</i>) 1334,0 mg; Phục linh (<i>Poria</i>) 2000,0 mg; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 1334,0 mg; Tri mẫu (<i>Rhizoma Anemarrhenae</i>) 2000,0 mg; Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>) 1000,0 mg.	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ PVC-Alu x 10 viên. Hộp 1 lọ nhựa HDPE x 60 viên, 120 viên. Hộp 1 lọ thủy tinh x 60 viên, 120 viên.	TCT-00340-25

5. Công ty đăng ký: Công ty TNHH dược liệu Hà Nội GMP

(Đ/c: Lô 87, 88, khu E, khu công nghiệp Tây Bắc Ga, phường Đông Lĩnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Nay là: Lô 87, 88, khu E, KCN Tây Bắc Ga, phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa)

5.1. Nhà sản xuất: Công ty TNHH dược liệu Hà Nội GMP

(Đ/c: Lô 87, 88, khu E, khu công nghiệp Tây Bắc Ga, phường Đông Lĩnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Nay là: Lô 87, 88, khu E, KCN Tây Bắc Ga, phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
5	PHONG THÁP HAPHATECH	Mỗi 10 ml cao lỏng chứa: Hy thiêm (<i>Herba Siegesbeckiae</i>) 10 g; Thiên niên kiện (<i>Rhizoma Homalomenae occulta</i>) 0,5 g.	Cao lỏng	24 tháng	TCCS	Hộp 20 ống, 30 ống, 50 ống x 10 ml. Hộp 1 chai x 100 ml, 200 ml.	TCT-00341-25

6. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm công nghệ cao Abipha

(Đ/c: Lô đất CN-2, khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, Nay là: Lô đất CN-2 KCN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội)

6.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm công nghệ cao Abipha

(Đ/c: Lô đất CN-2, khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, Nay là: Lô đất CN-2 KCN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
6	Cốm bổ tỳ Abipha	Mỗi 4g thuốc cốm chứa: Liên nhục (<i>Semen Nelumbinis nuciferae praeparata</i>) 0,2 g; Ý dĩ (<i>Semen Coicis praeparata</i>) 0,2 g; Hoài sơn (<i>Tuber Dioscoreae persimilis praeparata</i>) 0,4 g; Sa nhân (<i>Fructus Amomi praeparata</i>) 0,2 g; Nhân sâm (<i>Rhizoma et Radix Ginseng praeparata</i>) 0,4 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae praeparata</i>) 0,4 g; Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae praeparata</i>) 0,4 g; Bạch linh (<i>Poria praeparata</i>) 0,4 g; Bạch biển đậu (<i>Semen Lablab praeparata</i>) 0,3 g; Cát cánh (<i>Radix Platycodi grandiflori praeparata</i>) 0,2 g; Đại táo (<i>Fructus Ziziphi jujubae praeparata</i>) 0,2 g.	Thuốc cốm	36 tháng	TCCS	Hộp 10 gói, 20 gói, 30 gói, Gói 3 g, 4 g, 6 g, 8 g.	TCT-00342-25

7. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Đông Nam Dược Bảo Long

(Đ/c: Số 02, đường 430, ấp 1, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Nay là: Số 02 Đường 430, ấp 1, xã Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh)

7.1. Nhà sản xuất: Công ty TNHH Đông Nam Dược Bảo Long

(Đ/c: Số 02, đường 430, ấp 1, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Nay là: Số 02 Đường 430, ấp 1, xã Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
7	Cầm mồ hôi Bảo Long	Mỗi viên nang cứng chứa Cao khô hỗn hợp dược liệu 490 mg tương đương: Hoài sơn (<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>) 250 mg; Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) 250 mg; Mẫu lệ (<i>Concha Ostreae</i>)	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên, 12 viên. Hộp 1 lọ x 60 viên.	TCT-00343-25

		240 mg; Hoàng kỳ (<i>Radix Astragali membranacei</i>) 240 mg; Mạch môn (<i>Radix Ophiopogonis japonici</i>) 240 mg; Sa sâm (<i>Radix Glehniae</i>) 240 mg; Ngũ vị tử (<i>Fructus Schisandrae chinensis</i>) 200 mg; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 160 mg.					
--	--	---	--	--	--	--	--

8. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm OPC

(Đ/c: 1017 Hồng Bàng, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh, Nay là: 1017 Hồng Bàng, phường Phú Lâm, thành phố Hồ Chí Minh)

8.1. Nhà sản xuất: Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC

(Đ/c: Số 09/ĐX-TH, tổ 7, ấp Tân Hóa, xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Nay là: Số 09/ĐX04-TH, Tổ 7, khu phố Tân Hóa, phường Tân Khánh, thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
8	Viên bạch đới EVAKEY	Mỗi viên hoàn cứng chứa: Cao lỏng hỗn hợp dược liệu 120 mg (tương đương với: Hoàng bá (<i>Cortex Phellodendri</i>) 128,6 mg; Hương phụ (<i>Rhizoma Cyperi</i>) 42,9 mg; Xuân bì (<i>Cortex Ailanthi</i>) 251,7 mg; Bạch thược (<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>) 42,9 mg; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 42,9 mg); Bột hỗn hợp dược liệu 85,8 mg (tương đương với: Bạch thược (<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>) 42,9 mg; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 42,9 mg).	Viên hoàn cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai x 240 viên hoàn cứng Hộp 60 gói x 10 viên hoàn cứng Thùng 540 gói x 10 viên hoàn cứng.	TCT-00344-25

9. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Yên Bái

(Đ/c: 725 - Đường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Nay là: Số 725, đường Yên Ninh, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai)

9.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Yên Bái

(Đ/c: 725 - Đường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Nay là: Số 725, đường Yên Ninh, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
9	Cốm tiêu độc YB	Mỗi 5 g cốm chứa Cao đặc hỗn hợp 0,8 g (tương đương: Kim ngân hoa (<i>Flos lonicerae</i>) 0,75 g, Bồ công anh (<i>Herba Lactucae indicae</i>) 0,75 g, Bạch linh (<i>Poria</i>) 0,72 g, Hoàng liên (<i>Rhizoma Coptidis</i>) 0,72 g, Hạ khô thảo (<i>Spica Prunellae</i>) 0,72 g, Kế đầu ngựa (<i>Fructus Xanthii strumarii</i>) 0,72 g, Bột Liên kiều (<i>Pulveres Forsythiae suspensae</i>) (tương đương Liên kiều 0,72 g).	Thuốc cốm	36 tháng	TCCS	Hộp 20 gói x 5 g	TCT-00345-25

10. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm VCP

(Đ/c: Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Nay là: Thôn Thạch Lỗi, xã Nội Bài, thành phố Hà Nội)

10.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm VCP

(Đ/c Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Nay là: Thôn Thạch Lỗi, xã Nội Bài, thành phố Hà Nội)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
10	Thanh phế Khang Linh	Mỗi viên nang cứng chứa: Cao khô hỗn hợp dược liệu 0,4 g (tương đương với 3,2 g dược liệu trong đó: Sinh địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>) 0,67 g; Huyền sâm (<i>Radix Scrophulariae</i>) 0,55 g; Mạch môn (<i>Radix Ophiopogonis japonici</i>) 0,55 g; Mẫu đơn bì (<i>Cortex Radicis Paeoniae suffruticosae</i>) 0,33 g; Bối mẫu (<i>Bulbus Fritillariae</i>) 0,33 g; Bạch thược (<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>) 0,33 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 0,22 g; Bạc hà (<i>Herba Menthae</i>) 0,22 g).	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên.	TCT-00346-25

11. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược Quốc Tế Tùng Lộc

(Đ/c: Thôn Ngọc Lịch, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Nay là: Thôn Ngọc Lịch, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên)

11.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược Quốc Tế Tùng Lộc

(Đ/c: Thôn Ngọc Lịch, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Nay là: Thôn Ngọc Lịch, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
11	Siro thuốc ho cảm Gia Phát	Mỗi 10 ml siro thuốc chứa: Sinh địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>) 6 g; Huyền sâm (<i>Radix Scrophulariae</i>) 4 g; Mạch môn (<i>Radix Ophiopogonis japonici</i>) 4 g; Bôi mẫu (<i>Bulbus Fritillariae</i>) 4 g; Bạch thược (<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>) 4 g; Mẫu đơn bì (<i>Cortex Radicis Paeoniae suffruticosae</i>) 4 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 3 g; Bạc hà (<i>Herba Menthae</i>) 3 g.	Siro thuốc	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ x 100 ml. Ống 100 ml. Hộp 4 vỉ, vỉ 5 ống x 100 ml.	TCT-00347-25

12. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Thành Phát

(Đ/c: Lô CN1-6, khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, Nay là: Lô CN1-6, khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội)

12.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Thành Phát

(Đ/c: Lô CN1-6, khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, Nay là: Lô CN1-6, khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
12	Rheumax	Mỗi gói 3 g hoàn cứng chứa: Cao đặc hỗn hợp dược liệu 235 mg (tương đương với: Tần giao (<i>Radix Gentianae macrophyllae</i>) 0,5 g; Đỗ trọng (<i>Cortex Eucommiae</i>) 0,5 g; Ngưu tất (<i>Radix Achyranthis bidentatae</i>) 0,5 g; Độc hoạt (<i>Radix Angelicae pubescentis</i>) 0,5 g; Bột Phòng phong (<i>Pulvis Radicis Saposhnikoviae divaricatae</i>) 0,25 g; Bột Phục linh (<i>Pulvis Poriae</i>) 0,2 g; Bột Xuyên khung (<i>Pulvis Rhizomae Ligustici</i>)	Viên hoàn cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 gói, 20 gói, 30 gói x 3 g, 6 g viên hoàn cứng.	TCT-00348-25

		<i>wallichii</i>) 0,25 g; Bột Tục đoạn (<i>Pulvis Radicis</i> <i>Dipsaci</i>) 0,25 g; Bột Hoàng kỳ (<i>Pulvis Radicis Astragali</i> <i>membranacei</i>) 0,25 g; Bột Bạch thược (<i>Pulvis Radicis</i> <i>Paeoniae lactiflorae</i>) 0,25 g; Bột Cam thảo (<i>Pulvis</i> <i>Radicis Glycyrrhizae</i>) 0,2 g; Bột Đương quy (<i>Pulvis</i> <i>Radicis Angelicae sinensis</i>) 0,25 g; Bột thiên niên kiện (<i>Pulvis Rhizoma</i> <i>Homalomenae occultae</i>) 0,2 g.					
--	--	--	--	--	--	--	--



PHỤ LỤC II
DANH MỤC 19 VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN SẢN XUẤT TRONG NƯỚC
ĐƯỢC CẤP GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC
05 NĂM - ĐỢT 17

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 344/QĐ-YDCT ngày 13.../11./2025)

1. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần thương mại dược vật tư y tế Khải Hà
(Đ/c: Số 2A, Phố Lý Bôn, Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Nay là: Số 2A, phố Lý Bôn, tổ 1-2, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên)

1.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần thương mại dược vật tư y tế Khải Hà
(Đ/c: Số 2A, Phố Lý Bôn, Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Nay là: Số 2A, phố Lý Bôn, tổ 1-2, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên)

Stt	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1	Câu kỷ tử (<i>Fuctus Lycii Praeparata</i>)	Sấy khô	24 tháng	TCCS	Gói 1 kg; 2 kg; 3 kg; 5 kg; 10 kg, 20 kg, 25 kg.	VCT-00653-25
2	Nhân sâm (<i>Rhizoma et Radix Ginseng Praeparata</i>)	Thái phiến	24 tháng	TCCS	Gói 1 kg; 2 kg; 3 kg; 5 kg; 10 kg, 20 kg, 25 kg.	VCT-00654-25

2. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược liệu Bông Sen Vàng
(Đ/c: Thôn Đá Bàn, xã Hùng An, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, Nay là: Thôn Đá Bàn, xã Hùng An, tỉnh Tuyên Quang)

2.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược liệu Bông Sen Vàng
(Đ/c: Thôn Đá Bàn, xã Hùng An, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, Nay là: Thôn Đá Bàn, xã Hùng An, tỉnh Tuyên Quang)

Stt	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
3	Độc hoạt (<i>Radix Angelicae pubescentis Praeparata</i>)	Thái lát	24 tháng	TCCS	Gói 0,1 kg, 0,5 kg, 1,0 kg, 2,0 kg, 3,0 kg, 4,0 kg, 5,0 kg.	VCT-00655-25
4	Hoàng kỳ (<i>Radix Astragali membranacei Praeparata</i>)	Thái phiến	24 tháng	TCCS	Túi 100 g, 500 g, 1 kg, 2 kg, 5 kg, 10 kg, 15 kg, 20 kg, 25 kg.	VCT-00656-25

5	Đảng sâm chích rượu (<i>Radix Codonopsis Praeparata</i>)	Chích rượu	24 tháng	TCCS	Túi 100 g, 500 g, 1 kg, 2 kg, 5 kg, 10 kg, 15 kg, 20 kg, 25 kg	VCT- 00657-25
---	--	---------------	-------------	------	---	------------------

3. Công ty đăng ký: Trung tâm ứng dụng khoa học công nghệ dược liệu

(Đ/c: Km 12,9 đường Ngọc Hồi, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Nay là: Km 12,9 đường Ngọc Hồi, xã Thanh Trì, thành phố Hà Nội)

3.1. Nhà sản xuất: Trung tâm ứng dụng khoa học công nghệ dược liệu

(Đ/c: Km 12,9 đường Ngọc Hồi, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Nay là: Km 12,9 đường Ngọc Hồi, xã Thanh Trì, thành phố Hà Nội)

Stt	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
6	Cẩu tích sao vàng (<i>Rhizoma Ciboitii Praeparata</i>)	Sao vàng	24 tháng	TCCS	Túi 100 g, 500 g, 1 kg, 5 kg, 10 kg	VCT- 00658-25

4. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược liệu Quốc Tế

(Đ/c: Lô số CN02-10 Cụm công nghiệp Ninh Hiệp, xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Nay là: Lô số CN 02-10 Cụm công nghiệp Ninh Hiệp, xã Phù Đổng, thành phố Hà Nội)

4.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược liệu Quốc Tế

(Đ/c: Lô số CN02-10 Cụm công nghiệp Ninh Hiệp, xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Nay là: Lô số CN 02-10 Cụm công nghiệp Ninh Hiệp, xã Phù Đổng, thành phố Hà Nội)

Stt	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
7	Cốt toái bồ sao vàng (<i>Rhizoma Drynariae Praeparata</i>)	Sao vàng	18 tháng	TCCS	Túi 200 g, 500 g, 1 kg, 2 kg, 3 kg, 5 kg, 10 kg, 15 kg, 20 kg, 25 kg.	VCT- 00659-25
8	Hồ hoa sao vàng (<i>Flos Styphnolobii japonici Praeparata</i>)	Sao vàng	18 tháng	TCCS	Túi 200 g, 500 g, 1 kg, 2 kg, 3 kg, 5 kg, 10 kg, 15 kg, 20 kg, 25 kg.	VCT- 00660-25
9	Hoài sơn sao cám (<i>Tuber Dioscoreae persimilis Praeparata</i>)	Sao cám	18 tháng	TCCS	Túi 200 g, 500 g, 1 kg, 2 kg, 3 kg, 5 kg, 10 kg, 15 kg, 20 kg, 25 kg.	VCT- 00661-25
10	Hoàng cầm sao vàng (<i>Radix Scutellariae Praeparata</i>)	Sao vàng	18 tháng	TCCS	Túi 200 g, 500 g, 1 kg, 2 kg, 3 kg, 5 kg, 10 kg, 15 kg, 20 kg, 25 kg.	VCT- 00662-25

5. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà

(Đ/c: Số 415 đường Hàn Thuyên, phường Vị Xuyên, TP Nam Định, tỉnh Nam Định, Nay là: Số 415 đường Hàn Thuyên, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình)

5.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà

(Đ/c: Lô H10, đường D5, khu công nghiệp Hòa Xá, phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Nay là: Lô H10, đường D5, khu công nghiệp Hòa Xá, phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình)

Stt	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
11	Bạch thược sao (<i>Radix Paeoniae lactiflorae Praeparata</i>)	Sao	24 tháng	TCCS	Túi 500 g, 1 kg, 2 kg, 3 kg, 4 kg, 5 kg, 10 kg.	VCT-00663-25

6. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Bắc Ninh

(Đ/c: Số 21 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Nay là: Số 21 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh)

6.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh (BANIPHAR)

(Đ/c: Nhà máy dược phẩm: Lô C1-1, khu công nghiệp Quế Võ, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, Nay là: Nhà máy dược phẩm: Lô C1-1, khu công nghiệp Quế Võ, phường Phương Liễu, tỉnh Bắc Ninh)

Stt	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
12	Táo nhân sao đen (<i>Semen Ziziphi mauritiana Praeparata</i>)	Sao đen	24 tháng	TCCS	Túi 0,5 kg; 1,0 kg; 2,0 kg; 3,0 kg; 4,0 kg; 5,0 kg.	VCT-00664-25
13	Xuyên khung chích rượu (<i>Rhizoma Ligustici wallichii Praeparata</i>)	Chích rượu	24 tháng	TCCS	Túi 0,5 kg; 1,0 kg; 2,0 kg; 3,0 kg; 4,0 kg; 5,0 kg.	VCT-00665-25

7. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược liệu Việt Nam

(Đ/c: Khu 8, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, Nay là: Khu 8, xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ)

7.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược liệu Việt Nam

(Đ/c: Khu 8, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, Nay là: Khu 8, xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ)

Stt	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
-----	------------------------	--------------	----------	------------	-------------------	------------

14	Xà sàng (<i>Fructus Cnidii Praeparata</i>)	Sơ chế	24 tháng	TCCS	Gói 3 g, 6 g. Túi 50 gói 3 g, 6 g. Túi 100 g, 500 g, 1 kg, 2 kg, 5 kg.	VCT-00666-25
15	Hoàng đằng (<i>Caulis et Radix Fibraureae Praeparata</i>)	Sơ chế	24 tháng	TCCS	Gói 6g. Túi 50 gói 6 g. Túi 100 g, 500 g, 1 kg, 2 kg, 5 kg.	VCT-00667-25

8. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược OPC Bắc Giang

(Đ/c: Thôn Bình An, xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, Nay là: TDP Bình An, phường Tiên Phong, tỉnh Bắc Ninh)

8.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược OPC Bắc Giang

(Đ/c: Thôn Bình An, xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, Nay là: TDP Bình An, phường Tiên Phong, tỉnh Bắc Ninh)

Stt	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
16	BẠCH BIẾN ĐẬU SAO VÀNG (<i>Semen Lablab Praeparata</i>)	Sao vàng	24 tháng	TCCS	Túi 0,1 kg; 0,5 kg; 1 kg; 1,5 kg; 2 kg; 2,5 kg; 5 kg; 10 kg; 15 kg; 16 kg; 17 kg; 18 kg; 19 kg; 20 kg.	VCT-00668-25

9. Công ty đăng ký: Công ty TNHH dược liệu Hà Nội GMP

(Đ/c: Lô 87, 88, khu E, KCN Tây Bắc Ga, phường Đông Lĩnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Nay là: Lô 87,88, khu E, KCN Tây Bắc Ga, phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa)

9.1. Nhà sản xuất: Công ty TNHH dược liệu Hà Nội GMP

(Đ/c: Lô 87, 88, khu E, KCN Tây Bắc Ga, phường Đông Lĩnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Nay là: Lô 87,88, Khu E, KCN Tây Bắc Ga, phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa)

Stt	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
17	Đương quy chính rượu (<i>Radix Angelicae sinensis praeparata</i>)	Chích rượu	18 tháng	TCCS	Túi 1 kg, túi 2 kg, túi 5 kg.	VCT-00669-25

10. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân

(Đ/c: Lô số CN-08-2 Cụm công nghiệp Ninh Hiệp, xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, Nay là: Lô số CN-08-2 Cụm CN Ninh Hiệp, xã Phù Đổng, thành phố Hà Nội)

10.1. Nhà sản xuất: cổ phần dược liệu Trường Xuân

(Đ/c: Lô số CN-08-2 Cụm công nghiệp Ninh Hiệp, xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, Nay là: Lô số CN-08-2 Cụm CN Ninh Hiệp, xã Phù Đổng, thành phố Hà Nội)

Stt	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
18	Hồng hoa (<i>Flos Carthami Praeparata</i>)	Sơ chế	18 tháng	TCCS	Túi 500 g, 1 kg, 2 kg, 3 kg, 4 kg, 5 kg, 10 kg, 15 kg, 20 kg, 25 kg.	VCT-00670-25
19	Khương hoạt (<i>Rhizoma et Radix Notopterygii Praeparata</i>)	Sơ chế	18 tháng	TCCS	Túi 500 g, 1 kg, 2 kg, 3 kg, 4 kg, 5 kg, 10 kg, 15 kg, 20 kg, 25 kg.	VCT-00671-25



PHỤ LỤC III
DANH MỤC 04 CỐM VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN SẢN XUẤT TRONG
NƯỚC ĐƯỢC CẤP GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM
HIỆU LỰC 05 NĂM - ĐỢT 17

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~344~~./QĐ-YDCT ngày ~~13~~./~~11~~./~~2025~~)

1. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược liệu Việt Nam

(Đ/c: Khu 8, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, Nay là: Khu 8, xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ)

1.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược liệu Việt Nam

(Đ/c: Khu 8, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, Nay là: Khu 8, xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ)

Stt	Tên cốm vị thuốc cổ truyền	Thành phần, hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1	Cốm Ngải cứu (<i>Herba Artemisiae vulgaris Praeparata</i>)	Gói 1g cốm tương đương với 9 g Ngải cứu (<i>Herba Artemisiae vulgaris</i>)	Cốm	36 tháng	TCCS	Hộp 20 gói x 1g, Túi 100 gói, 300 gói, 500 gói x 1g. Hộp 1 lọ x 100g, 200g.	VCT-00672-25
2	Cốm Đương quy chích rượu (<i>Radix Angelicae sinensis Praeparata</i>)	Gói 3 g cốm tương đương 10 g vị thuốc Đương quy chích rượu (<i>Radix Angelicae sinensis Praeparata</i>)	Cốm	36 tháng	TCCS	Hộp 20 gói x 3,0 g. Túi 100 gói, 300 gói, 500 gói x 3,0g. Hộp 1 lọ x 100 g, 200g.	VCT-00673-25
3	Cốm Xuyên khung chích rượu (<i>Rhizoma Ligustici wallichii Praeparata</i>)	Gói 2 g cốm tương đương 6 g vị thuốc Xuyên khung chích rượu (<i>Rhizoma Ligustici wallichii Praeparata</i>)	Cốm	36 tháng	TCCS	Hộp 20 gói x 2,0 g. Túi 100 gói, 300 gói, 500 gói x 2,0g. Hộp 1 lọ x 100 g, 200g.	VCT-00674-25

4	Cỏm Độc hoạt (<i>Radix Angelicae pubescentis Praeparata</i>)	Gói 2 g cỏm tương đương 6 g vị thuốc Độc hoạt (<i>Radix Angelicae pubescentis Praeparata</i>)	Cỏm	36 tháng	TCCS	Hộp 20 gói x 2,0 g. Túi 100 gói, 300 gói, 500 gói x 2,0g. Hộp 1 lọ x 100 g, 200g.	VCT- 00675-25
---	---	---	-----	-------------	------	---	------------------

